

Án số: 73/2018/HS-ST
Ngày 08 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Xuân Hậu.

- Bà Trần Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; có vợ là chị Trần Thị M, sinh năm 1992 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 22/5/2017 bị Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; nhân thân: Bản án số 196/2013/HSST ngày 22/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xử phạt 02 năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2015, chấp hành xong phần án phí và hình phạt bổ sung ngày 21/01/2016; bị bắt tạm giam ngày 07/02/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; trích xuất có mặt tại phiên tòa

2. Người bị hại: Chị Lò Thị T, sinh năm 1990, vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Quang B, sinh năm 1975, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 29/01/2018, Trần Văn T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô YAMAHA-SIRIUS, màu trắng-vàng-đen, biển kiểm soát 30K-0604 của chị Lò Thị T (là hàng xóm gần nhà T) để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đi sang nhà chị T nói dối chị T là cho T mượn chiếc xe máy để T đi tiêm một lát sẽ mang xe về trả. Chị T tin lời T nên giao chìa khóa xe và xe mô tô nêu trên cho T. T điều khiển xe mô tô đến nhà anh Phạm Quang B, mục đích để vay tiền. T nói với anh B “cho em mượn 2.000.000 đồng em có việc”, anh B nói “bây giờ cũng bí lắm”, T nói “anh cứ cho em mượn, em có chút việc, em có chiếc xe mượn của bạn em để lại cho anh đi, anh cho em mượn tiền”. Nghe T nói vậy anh B đã đồng ý cho T cho để lại chiếc xe mô tô và giao cho T số tiền 2.000.000 đồng. Có tiền T đã chi tiêu cá nhân hết sau đó không nghe điện thoại và tìm cách lảng tránh không gặp mặt chị T. Do không thấy T mang xe mô tô về trả như đã hẹn nên chị Lò Thị T đã nhiều lần gọi điện cho T để đòi xe, tuy nhiên T đều không nghe điện thoại. Ngày 04/02/2018 chị T đã trình báo sự việc tại cơ quan Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG – CATP ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, kết luận: 01 chiếc xe mô tô YAMAHA-SIRIUS, màu trắng-vàng-đen, biển kiểm soát 30K-0604, trị giá hiện tại là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Tại cơ quan điều tra Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 73/CT-VKSTP ngày 17/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn T về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;
- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt tam giam 07/02/2018.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 580 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Phạm Quang B số tiền 2.000.000 đồng.
- Về vật chứng: Không phải giải quyết.
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.
- Bị cáo Trần Văn T xác định cáo trạng truy tố bị cáo về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo không trình bày lời bào chữa về hành vi phạm tội của mình, cũng như không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với:

[2] “Cáo trạng” số 73/CT-VKSTP ngày 17 tháng 4 năm 2018 đã truy tố;

Đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như:

[3]. Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại: Chị Lò Thị T, sinh năm 1990 (bút lục từ số 43 đến số 50);

[4]. Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 04/02/2018 (bút lục số 21);

[5]. Bản Kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (bút lục số 28);

[6]. Bản tự khai và biên bản ghi khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Quang B, sinh năm 1975, (bút lục từ số 52 đến số 56);

[7]. Biên bản trả lại tài sản, đồ vật giữa cơ quan Cảnh sát điều tra và chị Lò Thị T, lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 23/5/2018 (bút lục số 42).

[8]. Cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 29/01/2018, tại thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Trần Văn T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô YAMAHA-SIRIUS, màu trắng-vàng-đen, biển kiểm soát 30K-0604, trị giá hiện tại là 10.000.000đ (mười triệu đồng) của chị Lò Thị T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Thôn Q, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, sau đó Trần Văn T mang xe mô tô đến nhà anh Phạm Quang B, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, vay anh B số tiền 2.000.000 đồng và để lại xe làm tin. Có tiền T đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của Trần Văn T đã phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn đưa ra thông tin giả bằng lời nói dối để chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu với lỗi cố ý. Cho thấy hành vi của các bị cáo là rất liều lĩnh, táo bạo tạo nên dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần thiết phải quyết định mức hình phạt nghiêm khắc là phạt tù có thời hạn - buộc bị cáo cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân của bị cáo: Tháng 5/2017 bị Công an xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái pháp chất ma túy; năm 2013 bị Tòa án kết án, chấp hành xong hình phạt chính ngày 28/02/2015, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 21/01/2016, nên xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô YAMAHA-SIRIUS, màu trắng-vàng-đen, biển kiểm soát 30K-0604, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Lò Thị T nên cơ quan Công an đã trả lại tài sản cho chị T vào ngày 23/3/2018, chị T đã nhận lại tài sản trong tình trạng còn nguyên vẹn và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên chấp nhận và không phải giải quyết tại bản án này.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo vay số tiền 2.000.000 đồng của anh Phạm Quang B và tự nguyện giao lại 01 chiếc xe mô tô nêu trên để làm tin, anh B không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên anh B không có lỗi. Nay anh B yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền này thì thấy là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 45 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm ... án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 07/02/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho anh Phạm Quang B, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Về vật chứng: Không phải giải quyết tại bản án này.

4. Án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/5/2018. Vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân